

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang
<i>Trang phụ bìa</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Mục lục</i>	
<i>Danh mục các ký hiệu và chữ viết tắt</i>	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG NGƯỜI MUA	7
1.1. Khái niệm về Tín dụng người mua (Buyer credit)	7
1.1.1. Khái niệm về Tín dụng và tín dụng quốc tế	7
1.1.2. Khái niệm về Tín dụng người mua (Buyer credit)	8
1.1.3. Bản chất và các yếu tố cơ bản của Tín dụng người mua (Buyer credit)	8
1.1.3.1. Bản chất của Tín dụng người mua	8
1.1.3.2. Chủ thể cấp tín dụng	9
1.1.3.3. Chủ thể được cấp tín dụng	11
1.1.3.4. Đối tượng được tài trợ theo Tín dụng người mua	11
1.1.3.5. Đảm bảo của Tín dụng người mua	12
1.1.4. Những ưu đãi của Tín dụng người mua	14
1.1.5. So sánh Tín dụng người mua và Tín dụng hỗ trợ xuất khẩu	15
1.1.6. Sự khác nhau giữa Tín dụng người mua và Tín dụng hỗ trợ phát triển (ODA)	15
1.1.7. Sự khác nhau giữa Tín dụng người bán (Supplier Export Credit) và tín dụng người mua (Buyer Export Credit)	17
1.2. Tổng quan về hợp đồng Tín dụng người mua	19
1.2.1. Định nghĩa Hợp đồng tín dụng người mua	19
1.2.2. Các điều khoản cơ bản của Hợp đồng tín dụng người mua	19
1.2.2.1. Chủ thể Hợp đồng tín dụng người mua	18
1.2.2.3. Lãi suất và các loại phí liên quan	21
1.2.2.4. Thuế và các nghĩa vụ về thuế	23
1.2.2.5. Các điều kiện tiên quyết giải ngân	24
1.2.2.6. Điều khoản "Khai báo" và "Đảm bảo" của Bên đi vay	25
1.2.2.7. Điều khoản "Đình chỉ giải ngân và thúc nợ"	27
1.2.2.8. Điều khoản về lựa chọn luật áp dụng	28
1.2.2.9. Điều khoản về phương thức giải quyết tranh chấp	28
1.2.3. Một số vấn đề pháp lý liên quan đến Hợp đồng tín dụng người mua	29
1.2.3.1. Hậu quả pháp lý của việc vi phạm các "khai báo" và "đảm bảo" của Bên đi vay	29
1.2.3.2. Vấn đề "vi phạm chéo" của Hợp đồng tín dụng người mua	30
1.2.3.3. Hậu quả pháp lý của việc đình chỉ giải ngân và thúc nợ	31
1.2.3.4. Hậu quả pháp lý của việc không trả được nợ	31
1.2.4. Mối liên hệ giữa Hợp đồng tín dụng người mua và Hợp đồng thương mại mua bán hàng hóa là đối tượng của Hợp đồng tín dụng người mua	32
1.2.4.1. Mối liên hệ chặt chẽ giữa Hợp đồng tín dụng người mua và Hợp đồng thương mại	32
1.2.4.2. Tính độc lập tương đối giữa nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng người mua và nghĩa vụ theo Hợp đồng thương mại	33
1.2.4.3. Mối quan hệ phương thức thanh toán của Hợp đồng thương mại và phương thức giải ngân của Hợp đồng tín dụng người mua	33
1.2.5. Các biện pháp bảo đảm áp dụng đối với Hợp đồng tín dụng người mua	35
1.2.5.1. Bảo hiểm tín dụng xuất khẩu (Export Credit Insurance)	35
1.2.5.2. Bảo lãnh đối với Hợp đồng tín dụng người mua	36
1.2.6. Việc cấp ý kiến pháp lý đối với Hợp đồng tín dụng người mua và với Thư bảo lãnh	37

1.2.6.1.	Bản chất và ý nghĩa pháp lý của ý kiến pháp lý	37
1.2.6.2.	Chủ thể cấp ý kiến pháp lý	39
1.2.6.3.	Nội dung ý kiến pháp lý đối với Hợp đồng tín dụng người mua và Thư bảo lãnh	39
1.3.	Vai trò của Hợp đồng tín dụng người mua	43
1.3.1.	Vai trò của Hợp đồng tín dụng người mua trong hoạt động thu xếp vốn cho các Dự án đầu tư phát triển của doanh nghiệp Việt Nam	43
1.3.2.	Vai trò của Hợp đồng tín dụng người mua trong hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu của doanh nghiệp Việt Nam	45
	Chương 2: CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG NGƯỜI MUA VÀ THỰC TIỄN VIỆC KÝ KẾT VÀ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG NGƯỜI MUA Ở VIỆT NAM	46
2.1.	Các quy định pháp luật có liên quan đến Hợp đồng tín dụng người mua	46
2.1.1.	Quy định của pháp luật các nước liên quan đến Hợp đồng tín dụng người mua	46
2.1.2.	Điều ước quốc tế và tập quán quốc tế liên quan đến Hợp đồng tín dụng người mua	52
2.1.2.1.	Điều ước quốc tế liên quan đến Hợp đồng tín dụng người mua	52
2.1.2.2.	Tập quán quốc tế liên quan đến Hợp đồng tín dụng người mua	54
2.2.2.	Các khó khăn trong quá trình đàm phán Hợp đồng tín dụng người mua với các đối tác nước ngoài	66
2.2.3.	Các khó khăn trong quá trình thực hiện các điều kiện tiên quyết của Hợp đồng tín dụng người mua	68
2.2.4.	Một số vấn đề vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Hợp đồng tín dụng người mua	71
	Chương 3: PHƯƠNG HƯỚNG NÂNG CAO HIỆU QUẢ VIỆC KÝ KẾT VÀ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG NGƯỜI MUA TẠI VIỆT NAM	72
3.1.	Tình hình vay nợ nước ngoài của Việt Nam dưới hình thức Tín dụng người mua	72
3.1.1.	Tình hình vay nợ nước ngoài của Việt Nam	72
3.1.2.	Việc quản lý vay nợ nước ngoài của Việt Nam hiện nay	73
3.1.3.	Tình hình vay nợ nước ngoài theo hình thức tín dụng người mua của các doanh nghiệp Việt Nam	73
3.1.4.	Tỷ trọng và mối quan hệ giữa việc vay nước ngoài dưới hình thức Tín dụng người mua với tình hình vay nợ nước ngoài của Việt Nam	73
3.2.	Thực trạng pháp luật trong nước liên quan đến Hợp đồng tín dụng người mua	74
3.3.	Sự cần thiết phải hoàn thiện pháp luật về Hợp đồng tín dụng người mua	75
3.3.1.	Sự cần thiết phải xây dựng và hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến hợp đồng tín dụng người mua	75
3.3.2.	Sự cần thiết phải tiếp tục hoàn thiện pháp luật về việc cấp bảo lãnh cho khoản vay nước ngoài	77
3.3.3.	Sự cần thiết phải hoàn thiện pháp luật về việc cấp ý kiến pháp lý cho Hợp đồng tín dụng người mua và cho Thư bảo lãnh	79
3.4.	Những vấn đề đặt ra về mặt thực tiễn đối với việc đàm phán và thực hiện Hợp đồng tín dụng người mua	83
3.4.1.	Sự cần thiết phải tăng cường hiểu biết của doanh nghiệp Việt Nam về tín dụng xuất khẩu và nội dung của Hợp đồng tín dụng người mua	83
3.4.2.	Sự cần thiết phải tăng hệ số tín dụng của Việt Nam	83
3.4.3.	Sự cần thiết phải có sự tham gia của các định chế tài chính trong nước để đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng người mua	84
3.5.	Phương hướng xây dựng và hoàn thiện pháp luật liên quan đến Hợp đồng tín dụng người mua	85
3.5.1.	Phương hướng xây dựng và hoàn thiện pháp luật điều chỉnh về hợp đồng tín dụng người mua	85
3.5.2.	Phương hướng xây dựng và hoàn thiện pháp luật liên quan đến việc cấp bảo lãnh cho khoản vay nước ngoài	86

3.5.3.	Phương hướng xây dựng và hoàn thiện pháp luật liên quan đến việc cấp ý kiến pháp lý	86
3.5.3.1.	Ban hành văn bản qui phạm pháp luật về cấp ý kiến pháp lý	86
3.5.3.2.	Mở rộng thẩm quyền cấp ý kiến pháp lý	87
3.5.3.3.	Ban hành văn bản mẫu ý kiến pháp lý	87
3.5.3.4.	Qui định rõ trách nhiệm của cơ quan cấp ý kiến pháp lý và người nhận ý kiến pháp lý	88
3.6.	Một số khuyến nghị để nâng cao hiệu quả của quá trình ký kết và thực hiện Hợp đồng tín dụng người mua	88
3.6.1.	Xem xét và đánh giá kỹ lưỡng các bản chào tài chính	89
3.6.2.	Các công việc cần chuẩn bị trước khi đàm phán	90
3.6.3.	Các lưu ý trong quá trình đàm phán	92
3.6.4.	Thực hiện nghiêm túc các điều kiện tiên quyết giải ngân	96
3.6.5.	Thực hiện nghiêm túc các quy định của Hợp đồng thương mại	97
	KẾT LUẬN	98
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	101

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trên thế giới, việc vay nợ nước ngoài là một điều rất bình thường đối với các nước, các Chính phủ và các doanh nghiệp, kể cả ở các nước giàu lẫn các nước nghèo. Vay vốn nước ngoài theo nhiều hình thức khác nhau đã xuất hiện từ rất lâu và được đặc biệt đẩy mạnh sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai. Nhờ vốn nước ngoài mà một số nền kinh tế đã có những bước phát triển to lớn, nhảy vọt mà Nhật Bản, Hàn Quốc hay Đài Loan là những ví dụ điển hình. Đối với Việt Nam, việc vay vốn nước ngoài cũng không phải là vấn đề mới. Ngay sau khi thành lập (tháng 9/1945), nhất là trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nước ta đã tiếp nhận nguồn vốn rất lớn từ các nước xã hội chủ nghĩa anh em và các bạn bè khác. Vấn đề vay vốn nước ngoài trong phạm vi khối SEV đã được đặt ra theo những nguyên tắc, thông lệ tài chính tín dụng quốc tế.

Thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng, chúng ta đã, đang và sẽ mở rộng quan hệ kinh tế với nhiều nước, nhiều tổ chức quốc tế trên cơ sở tôn trọng chủ quyền, bình đẳng, hợp tác và cùng có lợi. Đặc biệt là sau Hội nghị các nhà tài trợ cho Việt Nam (Paris 1993) Việt Nam đã chính thức nối lại quan hệ tài chính, tín dụng với cộng đồng quốc tế. Trên cơ sở đó, Việt Nam đã ký rất nhiều thỏa thuận vay với các nước, các tổ chức tài chính tín dụng quốc tế và các ngân hàng thương mại nước ngoài. Trong quá trình đó, để ràng buộc quyền và nghĩa vụ giữa các bên, Bên cho vay (thường là các định chế tài chính quốc tế hoặc các ngân hàng nước ngoài) luôn yêu cầu Bên vay (là Chính phủ hoặc doanh nghiệp Việt Nam) phải ký các Hợp đồng tín dụng do phía Bên cho vay đưa ra theo thông lệ tài chính, tiền tệ quốc tế. Các hợp đồng này luôn chứa đựng nhiều điều khoản chặt chẽ chủ yếu nhằm mục đích ràng buộc trách nhiệm trả nợ đúng hạn của Bên đi vay. Ngoài ra, trong các Hợp đồng tín dụng thường chứa đựng nhiều thuật ngữ, thông lệ tài chính quốc tế đòi hỏi Bên đi vay Việt Nam phải có những hiểu biết rất vững chắc thì mới có thể đàm phán trên cơ sở bình đẳng, đảm bảo quyền lợi của mình, giảm thiểu các rủi ro bất lợi có thể xảy ra trong quá trình thực hiện sau này.

Hiện nay, nhu cầu vay vốn của các doanh nghiệp Việt Nam để nhập khẩu máy móc thiết bị phục vụ các dự án đầu tư là rất lớn. Bên cạnh đó, hầu như có rất ít các công trình nghiên cứu, các tài liệu tập huấn hay các giáo trình của các trường đại học của Việt Nam đề cập hay trang bị kiến thức cho người đọc về bản chất, nội dung của các điều khoản cũng như các vấn đề nên tránh trong quá trình đàm phán các Hợp đồng tín dụng với nước ngoài. Một tâm lý phổ biến là "người ta đã cho vay thì họ yêu cầu thế nào mình chẳng phải nghe", "hợp đồng vay vốn luôn là hợp đồng bất bình đẳng", bên cạnh đó do nhu cầu vốn cấp thiết nên doanh nghiệp Việt Nam chấp nhận "một cách dễ dãi" các điều khoản của nước ngoài, do đó gặp khó khăn trong quá trình thực hiện và gặp nhiều thiệt thòi.

Xuất phát từ thực tế đó, cộng với kinh nghiệm thực tiễn tham gia đàm phán các hợp đồng tín dụng người mua với các ngân hàng nước ngoài với tư cách là chuyên viên tư vấn pháp lý của Tổng công ty VINACONEX (trong đó VINACONEX là Bên đi vay), người viết nhận thấy việc nghiên cứu đề tài "*Cơ sở pháp lý và thực tiễn của việc ký kết và thực hiện Hợp đồng tín dụng người mua tại Việt Nam*" này là rất cần thiết và hữu ích cho các doanh nghiệp của Việt Nam trong quá trình giao lưu tài chính với quốc tế.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Như đã nêu ở trên, mặc dù việc nắm bắt về bản chất và hiểu thấu đáo các quy định của Hợp đồng tín dụng đóng vai trò quan trọng, nhưng số người nắm vững các kiến thức về nó để có thể trở thành chuyên gia đàm phán Hợp đồng tín dụng với nước ngoài ở Việt Nam còn rất ít. Thậm chí có nhiều vấn đề trong Hợp đồng tín dụng người mua như ý kiến pháp lý, bảo hiểm tín dụng, bảo lãnh còn là những vấn đề rất xa lạ với phần lớn người Việt Nam, kể các giới nghiên cứu pháp luật. Chỉ có một số rất ít người, hầu hết là những người trực tiếp làm các thủ tục liên quan đến các khoản vay nước ngoài là có đôi chút khái niệm về vấn đề này. Ngoài ra, hiện nay cũng chưa có công trình khoa học hay giáo trình nào tập trung nghiên cứu sâu hay tổng kết về mặt lý luận và thực tiễn về vấn đề này ngoại trừ đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ "*Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc cấp ý kiến pháp lý đối với các khoản vay nước ngoài*", Viện Nghiên cứu Khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp (năm 2002).

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

Mục đích nghiên cứu của Luận văn là căn cứ vào quan điểm của Đảng và chính sách của Nhà nước về xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường nói chung và thị trường tài chính tiền tệ nói riêng theo hướng hội nhập quốc tế, từ thực tiễn đàm phán, ký kết, thực hiện các Hợp đồng tín dụng người mua, làm sáng tỏ mối quan hệ giữa các Bên có liên quan như Bên đi vay, Bên cho vay, Bên bảo lãnh... trong quan hệ tín dụng xuất khẩu dành cho người mua, Hợp đồng tín dụng người mua, các quy định có liên quan của pháp luật đối với việc thực hiện các nghĩa vụ của các Bên cũng như các quyền và nghĩa vụ của Nhà nước (Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp) với vai trò Bên bảo lãnh và Bên cấp ý kiến pháp lý. Trên cơ sở đó tìm ra những định hướng, giải pháp xây dựng và hoàn thiện pháp luật cũng như các khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả quá trình ký kết và thực hiện Hợp đồng tín dụng người mua ở Việt Nam hiện nay.

Để thực hiện mục đích trên, nhiệm vụ của luận văn là:

- Nghiên cứu những cơ sở pháp lý (của Việt Nam và thế giới) về khung tín dụng xuất khẩu dành cho người mua, về nội dung và bản chất của Hợp đồng tín dụng người mua.

- Nghiên cứu các vấn đề lý luận về mối quan hệ giữa các Bên có liên quan như trong quan hệ tín dụng người mua như Bên cho vay, Bên đi vay, Bên bảo lãnh, Bên xuất khẩu và mối liên hệ pháp lý điều chỉnh các mối quan hệ đó. Cụ thể là làm sáng tỏ bản chất của khung tín dụng xuất khẩu dành cho người mua, Hợp đồng tín dụng người mua, bảo lãnh, bảo hiểm tín dụng..., quyền và nghĩa vụ của các Bên có liên quan theo quy định của Hợp đồng tín dụng người mua cũng như các thủ tục cần thực hiện trong quá trình triển khai thực hiện Hợp đồng tín dụng người mua.

- Phân tích, đánh giá thực trạng về việc tiếp cận và sử dụng nguồn vốn vay theo khung tín dụng người mua tại Việt Nam trong thời gian qua, các quy định của pháp luật có liên quan của Việt Nam điều chỉnh các vấn đề của Hợp đồng tín dụng người mua, cũng như một số vấn đề khó khăn mà các doanh nghiệp hiện đang gặp phải trong quá trình đàm phán, ký kết và thực hiện Hợp đồng tín dụng người mua ở Việt Nam hiện nay.

- Đề ra những giải pháp nhằm xây dựng và hoàn thiện pháp luật về các vấn đề có liên quan đến Hợp đồng tín dụng người mua cũng như đưa ra các khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả quá trình ký kết và thực hiện Hợp đồng tín dụng người mua ở Việt Nam hiện nay.

4. Phạm vi nghiên cứu của đề tài

Phạm vi nghiên cứu của đề tài chỉ giới hạn ở việc nghiên cứu cơ sở pháp lý của Việt Nam đối với việc ký kết và thực hiện các Hợp đồng tín dụng người mua là những Hợp đồng tín dụng mà các ngân hàng nước ngoài cho vay vốn đối với các doanh nghiệp Việt Nam để nhập khẩu máy móc thiết bị phục vụ các Dự án đầu tư theo khung tín dụng tài trợ xuất khẩu dành cho người mua (buyer credit scheme).

Đề tài không nghiên cứu việc Việt Nam cấp tín dụng cho nước ngoài và các hợp đồng tín dụng ký giữa Nhà nước Việt Nam với các định chế tài chính đa phương lớn trên thế giới (theo các chương trình cho vay hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) hoặc viện trợ không hoàn lại).

5. Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu

Luận văn được trình bày trên cơ sở vận dụng các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước trong việc xây dựng và phát triển thị trường tài chính theo hướng hội nhập quốc tế phục vụ cho sự nghiệp phát triển của đất nước, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đảm bảo quyền và lợi ích của Nhà nước cũng như doanh nghiệp. Luận văn vận dụng các nguyên tắc, phương pháp luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Trong đó, luận văn đặc biệt vận dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: phương pháp áp dụng luật so sánh, phương pháp hệ thống, phương pháp xã hội học và các phương pháp khác, kết hợp lý luận với thực tiễn để giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu đặt ra.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Trên cơ sở việc nghiên cứu cơ sở pháp lý và thực trạng ký kết và thực hiện Hợp đồng tín dụng người mua ở Việt Nam, luận văn đã:

- Phân tích và đánh giá về bản chất của khung tín dụng xuất khẩu dành cho người mua, bản chất và các mối quan hệ giữa các Bên liên quan trong Hợp đồng tín dụng người mua.

- Tập trung nghiên cứu và làm rõ các khía cạnh pháp lý liên quan đến mối quan hệ giữa các Bên có liên quan trong Hợp đồng tín dụng người mua cũng như các thủ tục cần thực hiện để thực hiện việc vay vốn theo khung tín dụng xuất khẩu dành cho người mua.

- Phân tích, đánh giá thực trạng và hiệu quả việc huy động và sử dụng vốn vay từ nguồn tín dụng xuất khẩu dành cho người mua, các quy định của pháp luật điều chỉnh các mối quan hệ giữa các Bên có liên quan trong quan hệ tín dụng người mua v.v...

- Đánh giá thực trạng việc ký kết và thực hiện Hợp đồng tín dụng người mua hiện nay ở Việt Nam, phân tích và chỉ ra các khó khăn cũng như các vấn đề vướng mắc cần phải tháo gỡ, đồng thời chỉ ra nguyên nhân và hậu quả của tình trạng nói trên.

- Đề xuất những giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật về liên quan đến Hợp đồng tín dụng người mua cũng như đã đưa ra các khuyến nghị cho các doanh nghiệp Việt Nam để nâng cao hiệu quả quá trình đàm phán, ký kết và thực hiện Hợp đồng tín dụng người mua ở Việt Nam.

Những kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần nâng cao hiểu biết cho các doanh nghiệp Việt Nam về các vấn đề có liên quan đến Hợp đồng tín dụng người mua để từ đó giúp các doanh nghiệp nâng cao hiệu quả quá trình đàm phán, ký kết và thực hiện Hợp đồng tín dụng người mua với đối tác nước ngoài.

Luận văn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo phục vụ công tác nghiên cứu lý luận và thực tiễn nói chung, cũng như là tài liệu tham khảo cho những đối tượng có quan tâm đến những khía cạnh pháp lý có liên quan đến Hợp đồng tín dụng người mua.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về Hợp đồng tín dụng người mua

Chương 2: Các quy định pháp luật có liên quan đến Hợp đồng tín dụng người mua và thực tiễn việc ký kết và thực hiện Hợp đồng tín dụng người mua ở Việt Nam

Chương 3: Phương hướng nâng cao hiệu quả việc ký kết và thực hiện Hợp đồng tín dụng người mua tại Việt Nam

NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬN VĂN

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG NGƯỜI MUA

1.1. Khái niệm về tín dụng người mua

1.1.1. Khái niệm về tín dụng và tín dụng quốc tế

Trong phần này người viết làm rõ bản chất của tín dụng là quan hệ phân phối vốn dựa trên nguyên tắc hoàn trả vốn và tín dụng quốc tế "là chỉ việc nhượng quyền sử dụng vốn của chủ thể nước này cho chủ thể nước kia khác nhằm mục đích kinh doanh theo nguyên tắc hoàn trả, có kỳ hạn và được đền bù".

1.1.2. Khái niệm về tín dụng người mua (Buyer Credit)

Với tư cách là một bộ phận của tín dụng tiền tệ, tín dụng người mua được hiểu là một khoản thu xếp tài chính (financial arrangement) theo đó một ngân hàng hoặc một tổ chức tài chính cho vay trực tiếp cho một người mua hàng để người mua hàng đó chi trả cho việc mua hàng hóa và dịch vụ của mình.

Trong mối quan hệ quốc tế với sự tham gia của "yếu tố nước ngoài" thì, tín dụng người mua quốc tế (sau đây gọi tắt là "TDNM"), hay nói chính xác hơn là tín dụng xuất khẩu dành cho người mua là một khoản thu xếp tài chính (financial arrangement) theo đó một ngân hàng hoặc một tổ chức tài chính hoặc một cơ quan tín dụng xuất khẩu (export credit agency (ECA)) của một nước cho vay trực tiếp cho một người mua nước ngoài hoặc cho vay một ngân hàng tại nước nhập khẩu để trả cho việc mua hàng hóa và dịch vụ từ nước xuất khẩu.

1.1.3. Bản chất và các yếu tố cơ bản của Tín dụng người mua

Trong phần này, người viết đã xác định được bản chất của TDNM là Chính phủ nước xuất khẩu hàng hóa dịch vụ hỗ trợ cho doanh nghiệp nước mình để bán hàng hóa dịch vụ cho ra nước ngoài. Đồng thời người viết cũng nêu ra và phân tích về các yếu tố cơ bản của TDNM như Chủ thể cấp tín dụng (trong đó xác định thế nào là tổ chức tín dụng xuất khẩu (ECA), Chủ thể được cấp tín dụng, đối tượng được tài trợ theo TDNM (trong đó xác định các điều kiện mà hợp đồng thương mại nhập khẩu phải đáp ứng để thỏa mãn yêu cầu được tài trợ theo TDNM), các phương thức đảm bảo áp dụng đối với TDNM.

1.1.4. Những ưu đãi của tín dụng người mua

TDNM có rất nhiều ưu đãi so với những khoản tín dụng thương mại khác cụ thể là lãi suất, thời hạn tín dụng ưu đãi hơn so với khoản tín dụng thương mại thông thường khác.

1.1.5. So sánh tín dụng người mua và tín dụng hỗ trợ xuất khẩu

Người viết đã chỉ ra được những điểm khác nhau cơ bản giữa TDNM và tín dụng hỗ trợ xuất khẩu là đối tượng được cấp TDNM ở chủ thể được cấp tín dụng và điều kiện vay tín.

1.1.6. Sự khác nhau giữa tín dụng người mua và tín dụng hỗ trợ phát triển (ODA)

Người viết đã phân tích về khái niệm tín dụng hỗ trợ phát triển (ODA) và chỉ ra được năm điểm khác nhau cơ bản giữa TDNM và ODA.

1.1.7. Sự khác nhau giữa Tín dụng người bán (Supplier Export Credit) và tín dụng người mua (Buyer Export Credit)

Trong phần này, người viết cũng xác định được sự khác nhau chủ yếu giữa tín dụng người bán và TDNM nằm ở chủ thể cấp tín dụng và sự dịch chuyển dòng tiền tín dụng.

1.2. Tổng quan về Hợp đồng tín dụng người mua

1.2.1. Định nghĩa Hợp đồng tín dụng người mua

HĐTDNM (sau đây gọi là "HĐTDNM") là một thỏa thuận cấp tín dụng mang tính quốc tế giữa Bên cho vay tín dụng của quốc gia này và Bên đi vay tín dụng của quốc gia theo đó Bên cho vay cho Bên đi vay một khoản tiền để trả cho hàng hóa và / hoặc dịch vụ nhập khẩu trong đó quy định các quyền và nghĩa vụ của bên cho vay cũng như bên vay, lãi suất, kỳ hạn trả nợ lãi và nợ gốc, điều kiện đảm bảo cho khoản vay, thời gian và cách thức hoàn trả vốn vay v.v...

1.2.2. Các điều khoản cơ bản của Hợp đồng tín dụng người mua

Tại phần này, người viết đã phân tích về các điều khoản cơ bản của HĐTDNM như điều khoản về chủ thể, giá trị khoản vay, lãi suất, các loại phí có liên quan, thuế và các nghĩa vụ về thuế, điều khoản về các điều kiện tiên quyết giải ngân, điều khoản về các "khai báo" và "đảm bảo", điều khoản "đình chỉ giải ngân và thúc nợ", lựa chọn luật áp dụng và phương thức giải quyết tranh chấp.

Bên cạnh việc phân tích về nội dung, người viết cũng đã tập trung phân tích ý nghĩa pháp lý của các điều khoản này.

1.2.3. Một số vấn đề pháp lý liên quan đến Hợp đồng tín dụng người mua

Trong phần này, người viết đã tập trung phân tích về các vấn đề pháp lý có liên quan đến HĐTDNM như hậu quả pháp lý của việc vi phạm các "khai báo" và "đảm bảo" của Bên đi vay, vấn đề vi phạm chéo của Bên đi vay, đồng thời người viết cũng phân tích những vấn đề pháp lý xảy ra đối với các Bên trong trường hợp Bên đi vay bị đình chỉ giải ngân và thúc nợ cũng như khi Bên đi vay không trả được nợ.

1.2.4. Mối liên hệ giữa Hợp đồng tín dụng người mua và Hợp đồng thương mại mua bán hàng hóa là đối tượng tài trợ của Hợp đồng tín dụng người mua

Trong phần này, người viết đã xác định được rằng HĐTDNM và HĐTMNK hàng hóa có mối quan hệ qua lại chặt chẽ với nhau nhưng đồng thời cũng có sự độc lập tương đối thể hiện ở chỗ: *thứ nhất*, hai hợp đồng này hoàn toàn độc lập với nhau về khía cạnh pháp lý và *thứ hai*, việc vi phạm các nghĩa vụ của Hợp đồng thương mại không đương nhiên dẫn tới việc vi phạm của Hợp đồng tín dụng và ngược lại. Bên cạnh đó, người viết cũng đã tập trung

làm rõ về mối quan hệ chặt chẽ giữa phương thức thanh toán của Hợp đồng thương mại với phương thức giải ngân của HĐTĐNM.

1.2.5. Các biện pháp bảo đảm áp dụng đối với HĐTĐNM

Trong phần này người viết tập trung phân tích hai hình thức đảm bảo được HĐTĐNM sử dụng: đó là bảo hiểm tín dụng xuất khẩu và Bảo lãnh của Chính phủ nước Bên đi vay đảm bảo khả năng trả nợ của Bên đi vay đối với Bên cho vay. quy định về vấn đề bảo hiểm tín dụng trên các khía cạnh sau:

1.2.6. Việc cấp ý kiến pháp lý đối với Hợp đồng tín dụng người mua và với Thư bảo lãnh

Một nội dung cũng rất quan trọng được đề cập trong HĐTĐNM đó là vấn đề cấp ý kiến pháp lý ("YKPL") đối với nội dung của HĐTĐNM và Thư bảo lãnh. Việc Bên đi vay cấp YKPL (đối với nội dung của HĐTĐNM và Thư bảo lãnh) được HĐTĐNM quy định là một trong những điều kiện tiên quyết giải ngân chung của HĐTĐNM.

Trong phần này, người viết đã xác định được bản chất của việc cấp YKPL là việc tổ chức hoạt động chuyên môn về pháp lý (độc lập hoặc không độc lập), theo yêu cầu của các bên liên quan (chủ yếu là Bên cho vay), đưa ra những đánh giá của mình liên quan đến những vấn đề pháp lý của giao dịch mà các bên cần quan tâm. Không những thế, người viết còn tập trung phân tích về ý nghĩa pháp lý của ý kiến pháp lý, Chủ thể cấp ý kiến pháp lý và nội dung thể hiện trong ý kiến pháp lý đối với HĐTĐNM và Thư bảo lãnh.

1.3. Vai trò của Hợp đồng tín dụng người mua

Trong phần này, người viết đã xác định rõ vai trò của HĐTĐNM trong hoạt động thu xếp vốn và kinh doanh xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp.

Chương 2

CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG NGƯỜI MUA VÀ THỰC TIỄN VIỆC KÝ KẾT VÀ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG NGƯỜI MUA Ở VIỆT NAM

2.1. Các quy định pháp luật có liên quan đến Hợp đồng tín dụng người mua.

2.1.1. Quy định của pháp luật các nước liên quan đến Hợp đồng tín dụng người mua

Trong phần này, người viết đã đi sâu tìm hiểu và phân tích một số quy định của các nước có liên quan đến vấn đề cấp tín dụng và hợp đồng tín dụng như Luật của Đức, Nhật, Pháp....

2.1.2. Điều ước quốc tế và tập quán quốc tế liên quan đến Hợp đồng tín dụng người mua

Liên quan đến HĐTĐNM, hiện nay các tổ chức ECAs và ngân hàng vẫn đang áp dụng quy định của Thỏa thuận về tín dụng xuất khẩu hỗ trợ chính thức (Arrangement on Officially Supported Export Credits) của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (Organization for Economic Co-operation and Development - OECD). Ngoài ra, HĐTĐNM cũng có liên quan đến một số tập quán thương mại quốc tế trong các vấn đề liên quan đến xác định lãi suất, kiểm tra tính phù hợp về mặt hình thức của các chứng từ xuất trình để thanh toán (liên quan đến vấn đề giải ngân và trả tiền hàng theo HDTMNK hàng hóa/dịch vụ).

2.1.3. Quy định pháp luật trong nước liên quan đến Hợp đồng tín dụng người mua

Hiện nay, việc ký kết và thực hiện HĐTĐNM được thực hiện trong khuôn khổ các quy định pháp lý liên quan đến việc vay và trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp bao gồm các văn bản pháp lý như Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 12 tháng 12 năm 1997; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 17 tháng 6 năm 2003; Luật Các tổ chức tín dụng ngày 12 tháng 12 năm 1997; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 15 tháng 6 năm 2004; Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13/12/2005; Nghị định 160/2006/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Pháp lệnh ngoại hối; Quy chế quản lý vay và trả nợ nước ngoài ban hành kèm theo Nghị định số 134/2005/NĐ-CP ngày 1/11/2005 của Chính phủ; Quy chế cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ đối với các khoản vay nước ngoài ban hành kèm theo Quyết định số 272/2006/QĐ-Ttg ngày 28/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ;

2.2. Thực tiễn việc ký kết và thực hiện Hợp đồng tín dụng người mua tại Việt Nam

2.2.1 Các hiểu biết của doanh nghiệp Việt Nam về hợp đồng tín dụng người mua còn rất hạn chế

Các doanh nghiệp Việt Nam đều gặp rất nhiều lúng túng khi tiếp cận các thủ tục vay tín dụng đặc biệt là các điều khoản của HĐTDNM. Do tính chất chuyên sâu của nội dung hợp đồng nên không phải doanh nghiệp nào cũng có hiểu biết đầy đủ về các nội dung có liên quan.

2.2.2. Các khó khăn trong quá trình đàm phán Hợp đồng tín dụng người mua với các đối tác nước ngoài

Trong quá trình đàm phán HĐTDNM với đối tác nước ngoài các doanh nghiệp Việt Nam thường gặp các khó khăn như sau:

+ Các cán bộ tham gia đàm phán về HĐTDNM hạn chế về ngoại ngữ nên nhiều khi không hiểu rõ bản chất nội dung hợp đồng.

+ Tính chất bất bình đẳng trong giao dịch vay quốc tế nên trong quá trình đàm phán đối tác nước ngoài thường "ép" phía Việt Nam phải chấp nhận các nội dung của Hợp đồng do họ dự thảo.

+ Do tính chất được sự hỗ trợ của chính phủ nước xuất khẩu nên trong quá trình đàm phán đối tác thường đưa ra lập luận rằng các yêu cầu của HĐTDNM không phải do Bên cho vay đưa ra mà thực ra chính là yêu cầu của Bên bảo hiểm (mà bản chất là yêu cầu của chính phủ nước cho vay).

2.2.3. Các khó khăn trong quá trình thực hiện các điều kiện tiên quyết của Hợp đồng tín dụng người mua

Trong phần này người viết đã làm rõ được các khó khăn đối với Bên đi vay trong quá trình thực hiện các điều kiện tiên quyết giải ngân và chủ yếu là các khó khăn đối với việc xin cấp bảo lãnh của Bộ tài chính và cấp YKPL của Bộ tư pháp

2.2.4. Một số vấn đề vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Hợp đồng tín dụng người mua

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng (sau khi đã giải ngân) các Bên thường gặp các vấn đề vướng mắc như sau:

1) Thay đổi nội dung Hợp đồng thương mại dẫn đến thay đổi các nội dung của Hợp đồng tín dụng: Trong quá trình thực hiện Dự án, đặc biệt là các Dự án lớn thì việc thay đổi các nội dung của thiết kế là việc thường xuyên xảy ra. Ngoài ra, do các nguyên nhân khách quan dẫn đến việc giao máy móc thiết bị, dịch vụ có sự điều chỉnh. Điều này dẫn đến một thực tế là các nội dung của Hợp đồng thương mại cần phải thay đổi và tất nhiên phải thay đổi nội dung của Hợp đồng tín dụng nhất là điều khoản liên quan đến vấn đề giải ngân. Đây là vấn đề gây rất nhiều khó khăn cho các Bên vì việc thay đổi nội dung Hợp đồng tín dụng còn liên quan đến việc chấp thuận của Bên bảo lãnh và Bên bảo hiểm (theo quy định của Hợp đồng).

2) Thay đổi thời hạn trả nợ: Cũng tương tự như vậy, trong một số trường hợp, mặc dù không có thay đổi về Hợp đồng thương mại nhưng các Bên vẫn cần phải thay đổi thời hạn trả nợ (theo tiến độ và dòng tiền của Dự án). Trong trường hợp này, ngoài việc phải được Bên cho vay đồng ý thì Bên đi vay còn phải giải trình với Bên bảo hiểm và Bên bảo lãnh về việc thay đổi thời hạn trả nợ. Thậm chí trong nhiều trường hợp Bên cho vay yêu cầu phải có sự chấp thuận sửa đổi Thư bảo lãnh của Bên bảo lãnh. Việc này gây rất nhiều khó khăn cho Bên đi vay trong việc giải trình và thuyết phục.

Chương 3

PHƯƠNG HƯỚNG NÂNG CAO HIỆU QUẢ VIỆC KÝ KẾT VÀ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG NGƯỜI MUA

3.1. Tình hình vay nợ nước ngoài của Việt Nam dưới hình thức tín dụng người mua

3.1.1. Tình hình vay nợ nước ngoài của Việt Nam

Năm 2000, tỷ trọng nợ trong GDP là 39%, năm 2001 giảm còn 37,4%. Tỷ trọng này trong các năm 2002 và 2003 là 34%, năm 2005 là 35,8% và năm 2006 là 36,6%. Tính bình quân trong 5 năm 2001-2005 là 35,6%.

3.1.2. Việc quản lý vay nợ nước ngoài của Việt Nam hiện nay

Việc quản lý vay nợ nước ngoài của Việt Nam hiện nay được thực hiện theo quy định của Quy chế quản lý vay và trả nợ nước ngoài ban hành kèm theo Nghị định số 134/2005/NĐ-CP ngày 1/11/2005 của Chính phủ.

3.1.3. Tình hình vay nợ nước ngoài theo hình thức tín dụng người mua của các doanh nghiệp Việt Nam

Theo số liệu của BTC công bố thì cho đến nay tổng số dư nợ vay của các doanh nghiệp Việt Nam theo hình thức TDNM là khoảng 2,5 tỷ USD. Trong số này thì dư nợ vay TDNM chủ yếu thuộc các ngành như xi măng (chiếm 34,5% tổng dư nợ vay TDNM), hàng không (chiếm 25.6% tổng dư nợ vay TDNM), điện (chiếm 18,12% tổng dư nợ vay TDNM).

3.1.4. Tỷ trọng và mối quan hệ giữa việc vay nước ngoài dưới hình thức tín dụng người mua với tình hình vay nợ nước ngoài của Việt Nam

Nhìn vào số liệu về vay nợ tín dụng theo hình thức TDNM so với tổng dư nợ nước ngoài hiện nay của Việt Nam, chúng ta có thể thấy rằng dư nợ vay TDNM chiếm khoảng 20% tổng dư nợ vay của Việt Nam với nước ngoài.

3.2. Thực trạng các quy định pháp luật trong nước liên quan đến Hợp đồng tín dụng người mua

Người viết đã đi sâu phân tích và thấy rằng các quy định hiện nay mới chỉ dừng ở mức độ các quy định chung và chủ yếu quy định ở các thủ tục, khiếu kiện đi vay, cấp bảo lãnh, cấp YKPL... trình tự cấp bảo lãnh các khoản vay nước ngoài, nội dung thư bảo lãnh và trách nhiệm của các Bên có liên quan. Mặc dù vậy, các quy định này chưa đủ chi tiết về các nội dung của HĐTDNM, các điều kiện đi vay theo hình thức TDNM, các thủ tục liên quan về đàm phán, ký kết và tổ chức thực hiện HĐTDNM.

3.3. Sự cần thiết phải hoàn thiện pháp luật về hợp đồng tín dụng người mua

3.3.1 Sự cần thiết phải xây dựng và hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến hợp đồng tín dụng người mua

Có một thực tế là hiện nay hầu như chưa có quy định pháp lý cụ thể nào điều chỉnh riêng về phương thức TDNM. Hiện nay chúng ta mới chỉ có các quy định về vay nợ với nước ngoài nói chung (bao gồm vay của chính phủ và vay của doanh nghiệp). Đối với vay ODA thì đã có nhiều quy định cụ thể về cơ chế, quyền và nghĩa vụ của các bên có liên quan... Đối với vay nước ngoài theo phương thức TDNM thì gần như còn bỏ ngỏ. Do đó, cần phải có các quy định pháp lý cụ thể hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện các khoản vay TDNM vì khung tín dụng này liên quan đến rất nhiều vấn đề như bảo hiểm, nhập khẩu hàng hóa, bảo lãnh của chính phủ, YKPL...

3.3.2. Sự cần thiết phải tiếp tục hoàn thiện pháp luật về việc cấp bảo lãnh cho khoản vay nước ngoài

Trong phần này, người viết tập trung phân tích những điểm bất cập hiện nay của Quy chế về bảo lãnh hiện hành ở khía cạnh rườm rà về thủ tục và chưa thực sự rõ ràng đối với vấn đề thế chấp tài sản đảm bảo nghĩa vụ bảo lãnh

3.3.3. Sự cần thiết phải hoàn thiện pháp luật về việc ý kiến pháp lý cho Hợp đồng tín dụng người mua và cho Thư bảo lãnh

Khung pháp luật hiện nay về việc cấp ý kiến pháp lý hiện nay có một số điểm bất cập như sau:

Một là, chưa đưa ra được một khái niệm thống nhất thế nào là YKPL...

Hai là, phạm vi cấp ý kiến pháp lý hiện nay chỉ gói gọn trong việc BTP có trách nhiệm cấp YKPL trong khuôn khổ các khoản vay nước ngoài của Chính phủ hoặc khoản vay được Chính phủ bảo lãnh.

Ba là, chưa có văn bản pháp lý nào quy định trách nhiệm của cơ quan cấp YKPL.

Bốn là, quy định hiện hành hạn chế đối tượng được cấp YKPL khi chỉ quy định BTP là đơn vị chịu trách nhiệm cấp YKPL trong khi bất kỳ một công ty luật độc lập hoặc thậm chí cá nhân luật sư người có nhiều kinh nghiệm cũng có khả năng đưa ra ý kiến pháp lý (legal opinons) về các vấn đề có liên quan.

3.4. Những vấn đề đặt ra về mặt thực tiễn đối với việc đàm phán và thực hiện hợp đồng tín dụng người mua

Trong phần này, người viết đã rõ sự cần thiết phải tăng cường hiểu biết của doanh nghiệp Việt Nam về HĐTDNM, tăng hệ số tín nhiệm của Việt Nam cũng như khuyến khích sự tham gia của các định chế tài chính trong nước để đảm bảo cho HĐTDNM.

3.5. Phương hướng xây dựng và hoàn thiện pháp luật liên quan đến Hợp đồng tín dụng người mua

3.5.1 Phương hướng xây dựng và hoàn thiện pháp luật điều chỉnh về Hợp đồng tín dụng người mua

Như đã phân tích ở trên, hiện nay chưa có quy định pháp luật nào cụ thể điều chỉnh về HĐTDNM đồng thời việc ký kết và thực hiện HĐTDNM được vận dụng qua Quy chế quản lý vay và trả nợ nước ngoài ban hành kèm theo Nghị định số 134/2005/NĐ-CP ngày 1/11/2005 của Chính phủ cũng như các văn bản pháp lý có liên quan.

Do đó cần khẩn trương bổ sung các văn bản pháp lý cho các bên tham gia thực hiện việc vay và trả nợ nước ngoài nói chung và TDNM nói riêng. Đồng thời cũng cần nghiên cứu để có riêng một văn bản pháp lý (dưới dạng một thông tư, quyết định...) điều chỉnh riêng về vấn đề TDNM và HĐTDNM để tiện cho các doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận và thực hiện việc vay vốn nước ngoài theo hình thức tín dụng này.

3.5.2. Phương hướng xây dựng và hoàn thiện pháp luật liên quan đến việc cấp bảo lãnh cho khoản vay nước ngoài

Như đã trình bày ở trên, việc cấp bảo lãnh cho khoản vay nước ngoài hiện nay phải thực hiện thông qua BTC. Tuy nhiên, không phải BTC được quyết toàn bộ mà phải báo cáo lên Thủ tướng Chính phủ đồng ý cấp bảo lãnh (trên cơ sở ý kiến của BTC và các Vụ chuyên môn giúp việc của Văn phòng Chính phủ). Để tạo điều kiện giúp doanh nghiệp, nên chăng cần đổi mới phương thức cấp bảo lãnh cho doanh nghiệp đi vay nước ngoài bằng cách giao toàn bộ cho BTC (không cần qua bước báo cáo Thủ tướng) chịu trách nhiệm trước Chính phủ về việc quyết định cấp bảo lãnh cho khoản vay nước ngoài bao gồm cả việc cấp bảo lãnh cho HĐTDNM.

Ngoài ra, cũng cần có quy định làm rõ hơn về vấn đề thế chấp tài sản (hình thành trong tương lai của Dự án tương ứng với giá trị vay nước ngoài) của Bên đi vay để đảm bảo nghĩa vụ bảo lãnh khoản vay nước ngoài của Chính phủ.

3.5.3. Phương hướng xây dựng và hoàn thiện pháp luật liên quan đến việc cấp ý kiến pháp lý

Trong phần này, người viết đã kiến nghị phương hướng xây dựng và hoàn thiện pháp luật về việc cấp ý kiến pháp lý như ban hành văn bản quy phạm pháp luật (dưới dạng một Nghị định) về việc cấp YKPL, mở rộng thẩm quyền cấp YKPL, ban hành mẫu YKPL, đồng thời quy định thật rõ về trách nhiệm của cơ quan cấp YKPL và người nhận YKPL.

3.6. Một số khuyến nghị để nâng cao hiệu quả quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng tín dụng người mua

3.6.1. Xem xét và đánh giá kỹ lưỡng các bản chào tài chính

Các vấn đề cần nghiên cứu kỹ bao gồm: đối tượng cho vay, thời hạn vay, tổng số tiền vay, mức lãi suất, đồng tiền cho vay, phí bảo hiểm, các loại phí có liên quan, các loại thuế phải trả, yêu cầu về bảo lãnh chính phủ, yêu cầu về các thủ tục khác.

Sau khi đã nghiên cứu kỹ các bản chào tài chính trên tất cả các khía cạnh nêu trên, kinh nghiệm cho thấy cần phải có sự phân tích tổng hợp hết sức kỹ lưỡng để tìm ra được bản chào tài chính hấp dẫn nhất

3.6.2. Các công việc cần chuẩn bị trước khi đàm phán

- + Nghiên cứu kỹ các nội dung của bản chào tài chính và cập nhật vào nội dung hợp đồng;
- + Chuẩn bị các phương án đàm phán (các phương án lựa chọn để thương thảo);
- + Chuẩn bị thành phần đàm phán;
- + Tìm hiểu về các quy định của Thỏa thuận OECD về tín dụng hỗ trợ chính thức;
- + Tìm hiểu về luật pháp của nước Bên đi vay và/hoặc luật của nước sẽ sử dụng làm luật điều chỉnh hợp đồng;
- + Tìm hiểu các quy định của Việt Nam có liên quan.

3.6.3. Các lưu ý trong quá trình đàm phán:

Các vấn đề cần lưu ý trong đàm phán bao gồm:

Thứ nhất, đối với vấn đề tổng giá trị vay: Cần phải xác định rõ thời điểm bắt đầu nhận nợ của chi phí bảo hiểm và lãi trong thời gian xây dựng (trong trường hợp Bên đi vay cho vay phí bảo hiểm và lãi trong thời gian xây dựng).

Thứ hai, vấn đề lãi suất, phí bảo hiểm và các loại phí có liên quan: Cần phải lưu ý là mức lãi suất, phí bảo hiểm và các loại phí có liên quan như phí thu xếp, phí cam kết thể hiện trong bản chào tài chính chưa phải là cuối cùng và còn có thể thay đổi được trừ đối với phí bảo hiểm do các tổ chức bảo hiểm tín dụng xuất khẩu ấn định là không thay đổi được.

Thứ ba, về vấn đề thuế: Cần lưu ý đưa vào trong hợp đồng rằng các loại thuế áp ở Việt Nam thì Bên Việt Nam chịu còn các loại thuế áp ở nước ngoài thì Bên cho vay nước ngoài phải chịu.

Thứ tư, về nội dung của Thư bảo lãnh và YKPL: Trong quá trình đàm phán về các nội dung này cần để cho đại diện BTC (đơn vị sẽ cấp bảo lãnh) và BTP (đơn vị sẽ cấp YKPL) chủ động đàm phán các nội dung này với đối tác.

Thứ năm, về nội dung giải ngân của HỘTDNM: Vì việc giải ngân HỘTDNM phải theo rất sát với nội dung thanh toán theo HDTMNK hàng hóa và/hoặc dịch vụ nên trong phụ lục quy định về vấn đề giải ngân của HỘTDNM cần quy định rất chính xác về số tiền giải ngân, các chứng từ đính kèm để đảm bảo phù hợp 100% với nội dung quy định trong Hợp đồng thương mại.

Thứ sáu, về vấn đề xác định thời điểm Bắt đầu trả nợ (Starting Point of Repayment): Bên đi vay cần căn cứ vào tiến độ thanh toán của Hợp đồng thương mại, tiến độ thực hiện Dự án và đặc biệt là thời điểm dự kiến bắt đầu có nguồn thu của Dự án để cùng với Bên đi vay xác định Thời điểm bắt đầu trả nợ.

Thứ bảy, liên quan đến các cam kết của Bên đi vay về các vấn đề môi trường của Dự án. Khi đàm phán về vấn đề này cần phân biệt rõ (và quy định trong hợp đồng) các loại chi phí nào Bên đi vay phải trả và xác định rõ ràng các chi phí này phải là các chi phí hợp lý, hợp lệ theo quy định để tránh những tranh chấp sau này xảy ra.

Thứ tám, thời hạn hoàn thành các điều kiện tiên quyết giải ngân: Điều này phụ thuộc rất nhiều vào quá trình BTC và BTP hoàn thành việc cấp Thư bảo lãnh và YKPL. Cần phải tiên liệu trước là khoảng thời gian cần thiết để hoàn thành các thủ tục này là bao lâu để quy định trong hợp đồng một cách phù hợp về thời hạn hoàn thành các điều kiện tiên quyết giải ngân.

Thứ chín, về chiến lược đàm phán: Kinh nghiệm cho thấy việc đàm phán với các đối tác đến từ các nước khác nhau thì có phong cách và chiến lược đàm phán khác nhau.

Thứ mười, ngôn ngữ đàm phán: Thông thường việc đàm phán sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ chủ đạo. Trong trường hợp Bên Việt Nam không đủ khả năng đàm phán bằng tiếng Anh thì cần phải có phiên dịch có đủ năng lực trình độ (đặc biệt là phải có hiểu biết nhất định về các thuật ngữ tài chính, ngân hàng) để có thể truyền tải hết được các nội dung trên bàn đàm phán.

3.6.4. Thực hiện nghiêm túc các điều kiện tiên quyết giải ngân:

Việc thực hiện nghiêm túc các điều kiện tiên quyết giải ngân bao gồm cả việc thực hiện các điều kiện tiên quyết giải ngân chung và điều kiện tiên quyết giải ngân riêng.

3.6.5 Thực hiện nghiêm túc các quy định của Hợp đồng thương mại:

Vì bất kỳ sự thay đổi nào, đặc biệt là thay đổi liên quan đến vấn đề thanh toán, của Hợp đồng thương mại đều ảnh hưởng rất lớn đến HỘTDNM (trong HỘTDNM còn có quy định rằng Bên đi vay không được thay đổi nội dung của Hợp đồng thương mại nếu không được sự chấp nhận của Bên cho vay) nên cần hạn chế đến mức tối đa việc thay đổi Hợp đồng thương mại.

KẾT LUẬN

TDNM và HỘTDNM là những nội dung rất mới trong hệ thống pháp luật về tín dụng và hợp đồng ở Việt Nam. TDNM đem lại cho các doanh nghiệp Việt Nam một kênh huy động vốn hết sức hiệu quả cho quá trình triển khai thực hiện các dự án có quy mô lớn ở Việt Nam trong bối cảnh nguồn vốn huy động trong nước còn hết sức

hạn chế và đôi khi rất khó tiếp cận. Bên cạnh đó, TDNM và HĐTDNM cũng tạo điều kiện để Bên đi vay có cơ hội cải cách hệ thống kế toán, tài chính của mình theo hướng minh bạch, hiệu quả năng uy tín và cao hệ số tín dụng của doanh nghiệp trước các Bên cho vay quốc tế. Bên cạnh đó, quá trình đàm phán, ký kết và thực hiện HĐTDNM cũng cho thấy những "lỗ hổng" pháp lý trong hệ thống pháp luật của Việt Nam hiện nay mà cần phải tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện. Việc tiếp tục nghiên cứu thêm về cơ chế vận hành, các quy định có liên quan của quốc tế và Việt Nam, cơ chế áp dụng tại Việt Nam của TDNM là điều hết sức quan trọng và cần thiết để giúp các doanh nghiệp có thêm cơ sở lý luận và thực tiễn cũng như các cơ sở pháp lý để tiếp cận, theo đuổi và vận hành tốt kênh tín dụng mới này.

Những nội dung cơ bản đã được người viết nghiên cứu trong luận văn này gồm:

- Luận văn đã tìm hiểu khái niệm về Khung TDNM, HĐTDNM, phân tích, làm rõ bản chất, nội dung cơ bản của đặc điểm của Khung TDNM, HĐTDNM, quyền và nghĩa vụ cơ bản của Bên đi vay, Bên cho vay, Bên bảo lãnh, Bên bảo hiểm tín dụng và các thủ tục có liên quan. Bên cạnh đó, luận văn cũng đã phân tích và làm rõ mối quan hệ của HĐTDNM với HDTMNC hàng hóa và các yêu cầu có liên quan. Trên cơ sở đó, luận văn đã tìm hiểu các quy định có liên quan của luật pháp nước ngoài, các điều ước quốc tế hiện nay điều chỉnh mối quan hệ giữa các Bên có liên quan của TDNM và HĐTDNM.

- Luận văn đã đi vào tìm hiểu thực trạng huy động vốn theo phương thức TDNM hiện nay ở Việt Nam, tìm hiểu các quy định có liên quan của Việt Nam cũng như thực tiễn thi hành các quy định đó về vấn đề tiếp cận nguồn vốn vay, đàm phán, ký kết HĐTDNM, thực hiện cấp bảo lãnh của Chính phủ, cấp YKPL của BTP liên quan đến HĐTDNM.

- Luận văn đưa ra một số nội dung và giải pháp cho quá trình hoàn thiện pháp luật điều chỉnh mối quan hệ giữa các Bên có liên quan theo khung TDNM cũng như những yêu cầu để nâng cao hiệu quả quá trình thực hiện công tác đàm phán, ký kết và thực hiện Hợp đồng tín dụng người mua. Luận văn nhận mạnh tới các yêu cầu và sự cần thiết phải hoàn thiện các quy định pháp luật có liên quan điều chỉnh mối quan hệ giữa Bên đi vay, Bên cho vay, Bên được bảo lãnh, Bên bảo lãnh, Bên cấp YKPL tham gia vào quan hệ TDNM này.

Việc hoàn thiện các quy định của pháp luật có liên quan đến HĐTDNM cần phải phù hợp với điều kiện, đặc điểm của nền kinh tế thị trường hiện nay ở nước ta cũng như tập quán, thực tiễn hoạt động của phương thức tín dụng xuất khẩu dành cho người mua đã tồn tại từ lâu trên thị trường tài chính tiền tệ thế giới, đặc biệt là trong bối cảnh hiện nay khi Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Theo người viết, việc hoàn thiện pháp luật điều chỉnh quan hệ này cần phải xem xét và thực hiện một số giải pháp như: (i) tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách nói chung và pháp luật về vay và trả nợ nước ngoài nói riêng; (ii) tiếp tục đổi mới hoạt động quản lý nhà nước đối với việc vay và trả nợ nước ngoài theo hướng tạo điều kiện chủ động cho doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn vay nước ngoài, giảm bớt các thủ tục hành chính rườm rà không cần thiết nhưng vẫn thiết lập được sự hỗ trợ có hiệu quả của Chính phủ đối với việc vay vốn nước ngoài của doanh nghiệp trong bối cảnh uy tín và năng lực tài chính, hệ số tín dụng của Việt Nam còn thấp; (iii) tiếp tục hoàn thiện pháp luật về vay và trả nợ nước ngoài nói chung cũng như vay và trả nợ theo phương thức TDNM nói riêng theo hướng tạo điều kiện tối đa cho doanh nghiệp được chủ động tiếp cận nguồn vốn vay nước ngoài phù hợp với thông lệ của thị trường tài chính tiền tệ quốc tế.

Khung TDNM và HĐTDNM có nội dung và phạm vi nghiên cứu rất rộng. Để giải quyết triệt để các yêu cầu mà đề tài đặt ra, đòi hỏi phải nghiên cứu, đánh giá sâu sắc, toàn diện các quy định thuộc nhiều ngành luật khác nhau trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Trong khuôn khổ có hạn của luận văn này, người viết chỉ đề cập đến một số vấn đề cơ bản nhất liên quan trực tiếp đến đề tài và chắc chắn còn một số vấn đề chưa được giải quyết thấu đáo. Người viết hy vọng rằng, những vấn đề này sẽ được tiếp tục nghiên cứu và giải quyết ở các công trình khoa học tiếp theo

This document was created with Win2PDF available at <http://www.win2pdf.com>.
The unregistered version of Win2PDF is for evaluation or non-commercial use only.
This page will not be added after purchasing Win2PDF.